

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2026**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	1
Báo cáo tài chính hợp nhất	2
- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm Trình bày lại
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.417.145.499.217	2.281.043.808.201
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	110.990.077.054	274.017.374.262
111	Tiền		74.990.077.054	274.017.374.262
112	Các khoản tương đương tiền		36.000.000.000	-
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	240.990.143.354	164.783.162.526
121	Chứng khoán kinh doanh		470.095	470.095
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		757.340.531.501	675.540.531.501
124	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.5	(516.350.858.242)	(510.757.839.070)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.238.640.877.879	1.078.751.781.180
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	769.175.027.854	670.153.768.441
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		168.013.041.042	134.592.863.540
135	Phải thu ngắn hạn khác	V.4	325.551.598.447	289.497.252.061
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(24.108.590.390)	(15.492.102.862)
137	Tài sản thiếu chờ xử lý		9.800.926	-
140	Hàng tồn kho	V.6	607.841.458.431	594.280.233.879
141	Hàng tồn kho		609.067.160.915	595.443.945.943
142	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.225.702.484)	(1.163.712.064)
150	Tài sản sinh học ngắn hạn	V.10	182.614.213.376	143.017.419.301
151	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn		182.614.213.376	143.017.419.301
160	Tài sản ngắn hạn khác		36.068.729.123	26.193.837.053
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.12	12.740.769.218	4.043.847.290
162	Thuế GTGT được khấu trừ		3.367.330.620	2.268.552.966
163	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	19.960.629.285	19.881.436.797

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm Trình bày lại
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.652.476.628.915	1.647.993.953.239
210	Các khoản phải thu dài hạn		273.043.192.185	270.282.951.625
212	Trả trước cho người bán dài hạn		132.000.000.000	132.000.000.000
215	Phải thu dài hạn khác	V.4	141.043.192.185	138.282.951.625
220	Tài sản cố định		797.241.535.926	815.874.811.750
221	Tài sản cố định hữu hình	V.7	679.785.119.162	696.011.188.955
222	Nguyên giá		1.388.626.263.732	1.391.450.233.091
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(708.841.144.570)	(695.439.044.136)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	20.016.100.004	20.523.825.866
225	Nguyên giá		26.005.404.773	26.005.404.773
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.989.304.769)	(5.481.578.907)
227	Tài sản cố định vô hình	V.9	97.440.316.760	99.339.796.929
228	Nguyên giá		161.462.087.207	161.462.087.207
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(64.021.770.447)	(62.122.290.278)
230	Tài sản sinh học dài hạn	V.10	77.748.996.756	78.764.867.700
231	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ		77.748.996.756	78.764.867.700
232	a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành		11.467.960.438	7.056.095.241
233	b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành		66.281.036.318	71.708.772.459
234	Nguyên giá		151.359.336.599	159.075.973.016
235	Giá trị khấu hao lũy kế		(85.078.300.281)	(87.367.200.557)
250	Tài sản dở dang dài hạn		88.592.406.906	87.387.406.906
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	88.592.406.906	87.387.406.906
260	Đầu tư tài chính dài hạn	V.2	167.173.062.030	155.316.256.754
262	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		95.728.860.537	89.851.267.817
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		68.123.284.778	68.123.284.778
264	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn		(988.283.285)	(2.658.295.841)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn		4.309.200.000	-
270	Tài sản dài hạn khác		248.677.435.112	240.367.658.504
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.12	159.877.137.770	160.078.792.772
272	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.19	9.770.801.727	9.688.449.234
279	Lợi thế thương mại	V.13	79.029.495.615	70.600.416.498
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)		4.069.622.128.132	3.929.037.761.440

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm Trình bày lại
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.884.681.684.692	1.800.652.855.732
310	Nợ ngắn hạn		1.763.013.724.768	1.675.990.299.331
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	359.849.141.569	224.547.407.996
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		29.741.867.896	27.681.760.092
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận		11.406.274.836	11.406.274.836
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.15	16.451.136.563	24.126.507.126
315	Phải trả người lao động		15.065.307.076	25.027.507.540
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	106.122.365.248	84.911.322.384
319	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		28.729.042	37.347.760
320	Phải trả ngắn hạn khác	V.17	75.654.999.535	75.751.598.909
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	1.143.684.392.725	1.197.089.021.833
322	Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.742.802.231	1.742.802.231
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.266.708.047	3.668.748.624
330	Nợ dài hạn		121.667.959.924	124.662.556.401
337	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		88.369.200	78.550.400
338	Phải trả dài hạn khác	V.17	280.000.000	280.000.000
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18	136.740.000	709.699.895
342	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.19	114.639.815.394	117.243.207.826
343	Dự phòng phải trả dài hạn		6.523.035.330	6.351.098.280
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.20	2.184.940.443.440	2.128.384.905.708
411	Vốn góp của chủ sở hữu		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
412	Thặng dư vốn		426.598.785.061	426.598.785.061
414	Vốn khác của chủ sở hữu		(3.772.154.614)	(3.772.154.614)
418	Quỹ đầu tư phát triển		72.502.285.340	72.502.285.340
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		444.589.045.778	401.801.771.790
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		398.838.945.627	208.801.279.908
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		45.750.100.151	193.000.491.882
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		47.179.231.875	33.410.968.131
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		4.069.622.128.132	3.929.037.761.440



Đỗ Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng kiêm Người lập



Lập, ngày 30 tháng 4 năm 2026

Nguyễn Hiếu Liêm
Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.405.618.488.100	1.188.008.029.082	1.188.008.029.082
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	108.439.332.442	87.002.404.548	87.002.404.548
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		1.297.179.155.658	1.101.005.624.534	1.101.005.624.534
11	Giá vốn hàng bán	VI.3	1.079.586.156.254	900.581.284.059	900.581.284.059
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		217.592.999.404	200.424.340.475	200.424.340.475
22	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	13.102.742.088	12.126.397.351	12.126.397.351
23	Chi phí tài chính	VI.5	22.956.769.710	23.733.571.057	23.733.571.057
24	- Trong đó: Chi phí đi vay		20.244.906.112	18.451.409.786	18.451.409.786
25	Chi phí bán hàng	VI.6	83.871.167.288	71.095.576.873	71.095.576.873
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	61.815.456.075	43.543.965.772	43.543.965.772
27	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.877.592.720	3.226.708.396	3.226.708.396
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}		67.929.941.139	77.404.332.520	77.404.332.520
31	Thu nhập khác		1.633.490.786	150.069.472	150.069.472
32	Chi phí khác		757.159.542	198.422.754	198.422.754
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		876.331.244	(48.353.282)	(48.353.282)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		68.806.272.383	77.355.979.238	77.355.979.238
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		12.684.039.437	6.213.609.864	6.213.609.864
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		356.960.421	(331.105.729)	(331.105.729)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		55.765.272.525	55.765.272.525	71.473.475.103

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý 1/2026	Quý 1/2025	Năm nay / Năm trước
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		45.750.100.151	68.272.516.060	45.750.100.151 / 68.272.516.060
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		10.015.172.374	3.200.959.043	10.015.172.374 / 3.200.959.043
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	382	570	382 / 570
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	382	570	382 / 570

Lập: ngày 30 tháng 4 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER
 M.S.D.N: 0300140 - C.T.C.P
 THÀNH PHỐ NGUYỄN HIẾU LIÊM

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

Đỗ Thị Mỹ Nhung
 Kế toán trưởng kiêm Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		68.806.272.383	77.355.979.238
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại		21.999.817.989	24.050.003.966
03	Các khoản dự phòng		12.773.421.614	(337.960.175)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(255.387.513)	(500.454.263)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.769.240.802)	(13.999.405.104)
06	Chi phí đi vay		20.244.906.112	18.451.409.786
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		107.799.789.783	105.019.573.448
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(158.223.497.354)	12.814.658.358
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(57.631.874.244)	(9.480.128.400)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		120.092.010.324	10.878.562.920
12	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(3.067.530.785)	19.915.157.354
14	Chi phí đi vay đã trả		(13.566.871.645)	(11.603.048.519)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.254.700.115)	(13.567.661.950)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.852.674.036)	113.977.113.211
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.874.452.098)	(409.664.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		507.426.669	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(86.509.200.000)	(10.495.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		400.000.000	12.527.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.017.007.048	4.779.997.993
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(84.459.218.381)	6.402.333.993

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		738.188.203.648	581.686.703.599
34	Tiền trả nợ gốc vay		(790.662.502.852)	(717.730.803.245)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.308.539.799)	(1.308.539.799)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(53.782.839.003)	(137.352.639.445)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)		(163.094.731.420)	(16.973.192.241)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	274.017.374.262	114.424.543.373
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		67.434.212	(36.217.795)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	V.1	110.990.077.054	97.415.133.337



Đỗ Thị Mỹ Nhung

Kế toán trưởng kiêm Người lập



Lập, ngày 30 tháng 4 năm 2026

Nguyễn Hiếu Liêm

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301447257 ngày 19 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 09 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài Chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ : 1.197.843.250.000 VND
- Mã chứng khoán : NCG

2. Lĩnh vực kinh doanh: Các công ty trong Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); sản xuất và kinh doanh thuốc thú y, thuốc thủy sản, thuốc sát trùng; kinh doanh vắc-xin thú y; sản xuất, kinh doanh và gia công các loại thức ăn chăn nuôi và thức ăn thủy sản; chế biến các sản phẩm cồn và CO2; kinh doanh thương mại bán buôn các sản phẩm nông nghiệp; bán lẻ lương thực, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số các Công ty con

Số lượng các Công ty con được hợp nhất: Công ty mẹ và 11 công ty con.

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: Không.

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn đã hoàn tất việc mua Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Quốc Tế trở thành công ty con trong kỳ tại ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty - Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Anova Feed	99,99	99,99
Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tập đoàn Anova, Ấp 4, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh		
Tổng Công ty Mía đường II - CTCP	94,96	94,96
Địa chỉ: Số 54-56 Lê Quốc Hưng, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty - Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sài Gòn VET Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tập đoàn Anova, Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	99,67	99,67
Công ty Cổ phần Anova Farm Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,84	99,84
Công ty Liên doanh TNHH Anova Địa chỉ: 36 Đại Lộ Độc Lập, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	57,00	57,00
Công ty Cổ phần Thành Nhơn Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,556	99,556
Công ty Cổ phần Anova Biotech Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,80	99,80
Công ty Cổ phần Anova Tech Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	85,83	85,83
Công ty TNHH Asian PacificXo Địa chỉ: 5.07 Khu chung cư kết hợp thương mại, Văn phòng Lô X (Sunrise City North), 27 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,89	99,89
Công ty Cổ phần Thực phẩm Xuxifarm Địa chỉ: Lô M, Đường số 10, Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	99,39	99,50
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Quốc Tế Địa chỉ: 12 Ngách 102/62, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, TP. Hà Nội, Việt Nam	69,92	70,00

Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty - Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu %	Quyền biểu quyết %
Công ty Liên doanh Bio- Pharmachemie Địa chỉ: Số 2/3, Đường Tăng Nhơn Phú, Khu phố 19, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet Va Co Địa chỉ: Km 18, quốc lộ 32, xã Hoài Đức, TP. Hà Nội	23,84	23,84
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa Địa chỉ: Khu vực 1, xã Hiệp Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	20,66	21,76

7. **Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ: 1.919 nhân viên.**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Tập đoàn áp dụng Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc áp dụng Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ so sánh được phân loại lại và trình bày lại nhằm phù hợp với quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC. Việc trình bày lại này không làm thay đổi tổng tài sản, tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu ("Trình bày lại").

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm:** Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 thay thế cho Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các giao dịch bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

 - Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
 - Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí phát sinh. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư: khoản tổn thất do đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Tập đoàn đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Tập đoàn có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Tập đoàn mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học

Súc vật nuôi được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc cho sản phẩm. Súc vật cho sản phẩm định kỳ được trích khấu hao và trình bày là tài sản dài hạn; súc vật lấy thịt/sản phẩm một lần được trình bày theo chu kỳ thu hoạch. Trường hợp giá trị thuần thấp hơn giá trị ghi sổ, doanh nghiệp thực hiện trích lập dự phòng tổn thất.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng

Tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất, phí cơ sở hạ tầng đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng.

Công cụ, dụng cụ và chi phí khác

Các công cụ, dụng cụ và chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mua mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một số tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình được ước tính theo quy định.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Tập đoàn đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Dự phòng phải trả

Khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính khi lập BCTC theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu trong kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung gồm các chi phí về lương, các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.017.235.167	321.010.999
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.972.841.887	273.696.363.263
Các khoản tương đương tiền	36.000.000.000	-
Cộng	<u>110.990.077.054</u>	<u>274.017.374.262</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	470.095	-	470.095	-
Cộng	470.095	-	470.095	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn	757.340.531.501	240.989.673.259	(516.350.858.242)	675.540.531.501	164.782.692.431	(510.757.839.070)
Tiền gửi có kỳ hạn	117.626.588.043	117.626.588.043	-	35.826.588.043	35.826.588.043	-
Cho vay	639.713.943.458	123.363.085.216	(516.350.858.242)	639.713.943.458	128.956.104.388	(510.757.839.070)
Dài hạn	4.309.200.000	4.309.200.000	-	-	-	-
Cho vay	4.309.200.000	4.309.200.000	-	-	-	-
Cộng	761.949.731.501	245.298.873.259	(516.350.858.242)	675.540.531.501	164.782.692.431	(510.757.839.070)

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	14.821.385.049	-	73.731.364.227	14.821.385.049	-	67.946.984.466
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương Vet Va Co	28.733.839.420	-	21.997.496.310	28.733.839.420	-	21.904.283.351
Công ty Cổ phần Mía đường Hiệp Hòa	-	-	-	-	-	-
Cộng	43.555.224.469	-	95.728.860.537	43.555.224.469	-	89.851.267.817

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết: không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	12.998.225.819	11.524.141.989
		Mua hàng hóa, dịch vụ	4.067.687.538	3.586.499.526

d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Giá gốc	Số cuối kỳ		Giá gốc	Số đầu năm		Giá trị hợp lý
		Dự phòng	Giá trị hợp lý		Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương Navetco	33.530.784.778	(988.283.285)	32.542.501.493	33.530.784.778	(2.658.295.841)	30.872.488.937	
Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần	34.592.500.000	-	-	34.592.500.000	-	-	
Cộng	68.123.284.778	(988.283.285)		68.123.284.778	(2.658.295.841)		

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Mía đường I – Công ty Cổ phần do không có giá niêm yết và chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	8.619.742.019	4.747.469.350
Công ty Liên doanh Bio Pharmachemie	8.619.742.019	4.747.469.350
Phải thu khách hàng khác	760.555.285.835	665.406.299.091
Công ty Cổ phần Nova Consumer Distribution	283.492.793.195	286.492.793.195
Các đối tượng khác	477.062.492.640	378.913.505.896
Cộng	769.175.027.854	670.153.768.441

4. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	325.551.598.447	(9.262.256.697)	289.497.252.061	(645.758.993)
Ký quỹ, ký cược	171.191.351.751	-	171.005.440.000	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.027.500.000	-	1.027.500.000	-
Phải thu khác	153.332.746.696	(9.262.256.697)	117.464.312.061	(645.758.993)
Dài hạn	141.043.192.185	-	138.282.951.625	-
Ký quỹ, ký cược	141.043.192.185	-	138.282.951.625	-
Cộng	466.594.790.632	(9.262.256.697)	427.780.203.686	(645.758.993)

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	581.503.005.146	41.043.556.514	572.917.961.423	46.668.019.491
Công ty Cổ phần Cụm công nghiệp Anova	559.348.968.486	38.861.694.545	550.810.127.670	44.452.288.600
Các đối tượng khác	22.154.036.660	2.181.861.969	22.107.833.753	2.215.730.891
Cộng	581.503.005.146	41.043.556.514	572.917.961.423	46.668.019.491

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	100.984.524.453	-	34.516.460.743	-
Nguyên liệu, vật liệu	272.704.311.827	(478.041.800)	303.014.109.750	(478.041.800)
Công cụ, dụng cụ	9.957.798.360	-	9.474.461.872	-
Chi phí SXKD dở dang	110.996.562.543	-	117.418.894.791	-
Thành phẩm	34.626.440.724	(232.927.517)	33.205.314.094	(172.830.376)
Hàng hoá	79.797.523.008	(514.733.167)	97.814.704.693	(512.839.888)
Cộng	609.067.160.915	(1.225.702.484)	595.443.945.943	(1.163.712.064)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, gia súc	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	622.633.690.931	680.719.790.584	43.885.770.662	32.790.877.954	6.758.669.100	4.661.433.860	1.391.450.233.091
Mua trong năm	112.320.000	170.300.320	1.312.111.778	279.720.000	-	-	1.874.452.098
Thanh lý, nhượng bán	-	(714.639.859)	(835.883.188)	-	(3.147.898.410)	-	(4.698.421.457)
Số cuối kỳ	622.746.010.931	680.175.451.045	44.361.999.252	33.070.597.954	3.610.770.690	4.661.433.860	1.388.626.263.732
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	257.777.678.422	374.886.881.075	26.612.569.407	26.193.310.763	6.474.451.899	3.494.152.570	695.439.044.136
Khấu hao trong năm	6.727.578.634	8.652.504.212	732.721.764	537.445.373	21.328.620	54.350.190	16.725.928.793
Thanh lý, nhượng bán	-	714.639.859	(890.569.808)	-	(3.147.898.410)	-	(3.323.828.359)
Số cuối kỳ	264.505.257.056	384.254.025.146	26.454.721.363	26.730.756.136	3.347.882.109	3.548.502.760	708.841.144.570
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	364.856.012.509	305.832.909.509	17.273.201.255	6.597.567.191	284.217.201	1.167.281.290	696.011.188.955
Số cuối kỳ	358.240.753.875	295.921.425.899	17.907.277.889	6.339.841.818	262.888.581	1.112.931.100	679.785.119.162

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

582.657.039.466 VND

169.072.283.810 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	26.005.404.773	26.005.404.773
Số cuối kỳ	26.005.404.773	26.005.404.773
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	5.481.578.907	5.481.578.907
Khấu hao trong năm	507.725.862	507.725.862
Số cuối kỳ	5.989.304.769	5.989.304.769
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	20.523.825.866	20.523.825.866
Số cuối kỳ	20.016.100.004	20.016.100.004

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Thương hiệu	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	98.094.865.106	20.033.222.101	43.334.000.000	161.462.087.207
Số cuối kỳ	98.094.865.106	20.033.222.101	43.334.000.000	161.462.087.207
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	28.246.767.546	18.708.622.732	15.166.900.000	62.122.290.278
Khấu hao trong năm	577.321.062	238.809.107	1.083.350.000	1.899.480.169
Số cuối kỳ	28.824.088.608	18.947.431.839	16.250.250.000	64.021.770.447
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	69.848.097.560	1.324.599.369	28.167.100.000	99.339.796.929
Số cuối kỳ	69.270.776.498	1.085.790.262	27.083.750.000	97.440.316.760
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay			69.270.776.498	VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			15.704.145.888	VND

10. Tài sản sinh học

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	182.614.213.376	143.017.419.301
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	11.467.960.438	7.056.095.241
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	66.281.036.318	71.708.772.459
Cộng	260.363.210.132	221.782.287.001

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình mở rộng dây chuyền nhà máy Long An	43.128.097.087	43.128.097.087
Công trình Nhà máy đường ăn kiêng Phú Yên	20.781.671.635	20.781.671.635
Quyền nghỉ dưỡng	20.230.718.184	20.230.718.184
Các công trình khác	4.451.920.000	3.246.920.000
Cộng	88.592.406.906	87.387.406.906

12. Chi phí chờ phân bổ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	12.740.769.218	4.043.847.290
Công cụ, dụng cụ	2.426.586.673	3.256.259.529
Các khoản khác	10.314.182.545	787.587.761
Dài hạn	159.877.137.770	160.078.792.772
Tiền thuê đất trả trước	60.223.637.961	60.744.923.112
Các khoản khác	99.653.499.809	99.333.869.660
Cộng	172.617.906.988	164.122.640.062

13. Lợi thế thương mại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại	79.029.495.615	70.600.416.498
Cộng	79.029.495.615	70.600.416.498

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	1.194.347.111	1.223.158.168
Công ty Liên doanh Bio-Pharmachemie	1.194.347.111	1.223.158.168
Phải trả nhà cung cấp khác	358.654.794.458	223.324.249.828
Các nhà cung cấp khác	358.654.794.458	223.324.249.828
Cộng	359.849.141.569	224.547.407.996

15. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	5.271.221.666	-	5.153.328.997	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.113.028.227	19.312.982.095	16.683.688.905	19.312.982.095
Thuế thu nhập cá nhân	2.066.886.670	122.689.751	2.008.102.163	122.689.751
Các loại thuế khác	-	524.957.439	281.387.061	445.764.951
Cộng	16.451.136.563	19.960.629.285	24.126.507.126	19.881.436.797

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	106.122.365.248	84.911.322.384
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu thương mại	69.465.012.007	51.057.927.237
Các khoản trích trước khác	36.657.353.241	33.853.395.147
Cộng	106.122.365.248	84.911.322.384

17. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	75.654.999.535	75.751.598.909
Lãi đi vay	63.086.278.339	63.131.468.630
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.568.721.196	12.620.130.279
Dài hạn	280.000.000	280.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	280.000.000	280.000.000
Cộng	75.934.999.535	76.031.598.909

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.139.185.813.433	1.139.185.813.433	1.191.854.862.637	1.191.854.862.637
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.498.579.292	4.498.579.292	5.234.159.196	5.234.159.196
Nợ thuê tài chính dài hạn	136.740.000	136.740.000	709.699.895	709.699.895
Cộng	1.143.821.132.725	1.143.821.132.725	1.197.798.721.728	1.197.798.721.728

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.770.801.727	9.688.449.234
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(114.639.815.394)	(117.243.207.826)
Cộng	(104.869.013.667)	(107.554.758.592)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	71.988.693.710	289.556.800.536	22.387.838.495	2.004.603.213.188
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	193.000.491.882	23.428.997.762	216.429.489.644
Trích lập các quỹ	-	-	-	513.591.630	(13.486.433.014)	(1.914.372.616)	(14.887.214.000)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(67.398.315.000)	(76.293.089)	(67.474.608.089)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	(10.687.111.378)	(10.687.111.378)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	129.227.386	271.908.957	401.136.343
Số dư cuối năm trước	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	401.801.771.790	33.410.968.131	2.128.384.905.708
Số dư đầu năm nay	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	401.801.771.790	33.410.968.131	2.128.384.905.708
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	45.750.100.151	10.015.172.374	55.765.272.525
Tặng do mua mới công ty con	-	-	-	-	-	3.753.091.370	3.753.091.370
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(2.962.826.163)	-	(2.962.826.163)
Số dư cuối kỳ	1.197.843.250.000	426.598.785.061	(3.772.154.614)	72.502.285.340	444.589.045.778	47.179.231.875	2.184.940.443.440

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp	1.197.843.250.000	1.197.843.250.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-

Các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐ-NCG ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Công ty mẹ, các cổ đông đã thông qua việc không thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP của Công ty mẹ đã được phê duyệt năm 2024. Mặt khác, Công ty mẹ đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu cho người lao động ESOP năm 2025 của Công ty mẹ với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty mẹ tại thời điểm phát hành, thời gian thực hiện chậm nhất đến quý II năm 2026.

c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.784.325	119.784.325
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu phổ thông	119.784.325	119.784.325
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000 VND/cổ phiếu	

d. Cổ tức đã trả

: Không phát sinh

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	Nguyên tệ	1.001.256,21	839.532,49

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Tổng doanh thu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	1.403.681.590.550	1.186.836.182.820
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.936.897.550	1.171.846.262
Cộng	<u>1.405.618.488.100</u>	<u>1.188.008.029.082</u>

b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	105.443.479.954	86.352.184.057
Hàng bán bị trả lại	2.995.852.488	650.220.491
Cộng	108.439.332.442	87.002.404.548

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	296.847.822.452	169.516.245.636
Giá vốn của thành phẩm đã bán	781.707.267.611	730.709.652.863
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	969.075.771	724.599.188
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	61.990.420	(369.213.628)
Cộng	1.079.586.156.254	900.581.284.059

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	11.320.927.800	10.772.696.708
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.479.429.963	1.134.062.418
Chi tiết: + Lãi chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong kỳ	1.224.042.450	633.608.155
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	255.387.513	500.454.263
Chiết khấu thanh toán	302.384.325	219.638.225
Cộng	13.102.742.088	12.126.397.351

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	20.244.906.112	18.451.409.786
Chiết khấu thanh toán	440.663.171	618.139.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.082.179.727	3.217.198.988
Chi tiết: + Lỗ chênh lệch tỷ giá đã phát sinh trong kỳ	1.082.179.727	3.217.198.988
Dự phòng/(hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(1.670.012.556)	-
Chi phí tài chính khác	2.859.033.256	1.446.822.458
Cộng	22.956.769.710	23.733.571.057

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	61.815.456.075	43.543.965.772
Chi phí nhân viên	28.442.347.723	24.826.527.451
Dự phòng/(hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	14.384.991.250	27.697.280
Các khoản chi phí QLDN khác	18.988.117.102	18.689.741.041
b. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	83.871.167.288	71.095.576.873
Chi phí nhân viên	33.228.214.653	25.595.178.539
Chi phí tiếp thị, khuyến mại và quảng cáo	25.510.032.976	22.007.963.257
Các khoản chi phí bán hàng khác	25.132.919.659	23.492.435.077

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	45.750.100.151	68.272.516.060
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	119.784.325	119.784.325
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	382	570

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	661.274.747.490	614.725.503.936
Chi phí nhân công	255.826.944.226	184.285.643.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	21.999.817.989	24.050.003.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.641.261.808	117.671.965.862
Chi phí khác	135.153.223.076	83.967.837.467
Cộng	1.238.895.994.589	1.024.700.955.104

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt: không phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị				
Nguyễn Hiếu Liêm	Chủ tịch	Thù lao	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Quang Phi Tín	Thành viên	Thù lao	-	45.000.000
Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Thành viên	Thù lao	45.000.000	-
Trần Thị Thu Thảo	Thành viên độc lập	Thù lao	45.000.000	45.000.000
Thu nhập của các thành viên Ban quản lý				
Công Huyền Tôn Nữ Mỹ Liên	Tổng Giám đốc	Tiền lương	1.191.278.902	-
Trần Mạnh Hào	Tổng Giám đốc	Tiền lương	885.759.000	-
Nguyễn Quang Phi Tín	Tổng Giám đốc	Tiền lương	-	1.479.760.000
Đỗ Thị Mỹ Nhung	Kế toán trưởng	Tiền lương	311.929.000	200.960.000

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Tập đoàn không phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết. Trong kỳ, không phát sinh giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	331.816.742.414	846.910.023.783	118.336.186.461	116.203.000	-	1.297.179.155.658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	52.929.443.197	165.389.500	651.816.400	4.632.957.389	(58.379.606.486)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	384.746.185.611	847.075.413.283	118.988.002.861	4.749.160.389	(58.379.606.486)	1.297.179.155.658
Giá vốn hàng bán	312.540.158.623	743.743.981.238	72.386.470.693	2.054.399.915	(51.138.854.215)	1.079.586.156.254
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	72.206.026.988	103.331.432.045	46.601.532.168	2.694.760.474	(7.240.752.271)	217.592.999.404
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(145.686.623.363)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						71.906.376.041
Doanh thu hoạt động tài chính						13.102.742.088
Chi phí tài chính						(22.956.769.710)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	5.877.592.720	-	-	-	-	5.877.592.720
Thu nhập khác						1.633.490.786
Chi phí khác						(757.159.542)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(12.684.039.437)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(356.960.421)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						55.765.272.525

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ trước	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	214.009.959.211	784.584.260.279	102.095.002.582	316.402.462	-	1.101.005.624.534
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	36.255.751.825	56.142.410	460.029.204	5.811.601.199	(42.583.524.638)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	250.265.711.036	784.640.402.689	102.555.031.786	6.128.003.661	(42.583.524.638)	1.101.005.624.534
Giá vốn hàng bán	201.301.110.636	672.600.615.275	66.279.412.570	1.677.479.634	(41.277.334.056)	900.581.284.059
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	48.964.600.400	112.039.787.414	36.275.619.216	4.450.524.027	(1.306.190.582)	200.424.340.475
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(114.639.542.645)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						85.784.797.830
Doanh thu hoạt động tài chính						12.126.397.351
Chi phí tài chính						(23.733.571.057)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết						-
Thu nhập khác	3.226.708.396	-	-	-	-	3.226.708.396
Chi phí khác						150.069.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(198.422.754)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(6.213.609.864)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						331.105.729
						71.473.475.103

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Sức khỏe vật nuôi	Thức ăn chăn nuôi và trang trại	Thực phẩm	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	953.558.741.323	2.054.366.311.959	1.167.527.144.262	-	(2.261.962.565.498)	1.913.489.632.046
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						2.156.132.496.086
Tổng tài sản						4.069.622.128.132
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	352.607.056.648	906.320.604.718	244.740.559.354	-	45.120.934.153	1.548.789.154.873
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						335.892.529.819
Tổng nợ phải trả						1.884.681.684.692
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	851.894.463.086	2.052.891.539.777	1.091.693.304.290	-	(2.235.819.787.889)	1.760.659.519.264
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận						2.168.378.242.176
Tổng tài sản						3.929.037.761.440
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	278.805.235.242	943.175.698.263	181.710.490.199	-	64.116.795.753	1.467.808.219.457
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận						332.844.636.275
Tổng nợ phải trả						1.800.652.855.732

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NOVA CONSUMER

Địa chỉ: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2026 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Thị Mỹ Nhung

Kế toán trưởng kiêm Người lập



Lập, ngày 30 tháng 4 năm 2026

Nguyễn Hiếu Liêm

Chủ tịch HĐQT kiêm Đại diện pháp luật

